TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2026/HS-PT
Ngày: 10/03/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM-TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng;

Các Thẩm phán: ông Vũ Ngọc Huynh;

bà Hồ Thị Thanh Thúy.

-Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lụa, Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên: ông Trần Ngọc Đ, Kiểm sát viên.

Ngày 10/03/2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm-Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 423/2025/TLPT-HS ngày 28/10/2025 đối với bị cáo Nguyễn Anh K, bị cáo Lê Nguyễn Nhật T, bị cáo Bùi Thị Thanh N;

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 619/2025/HS-ST ngày 18/09/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

1/Nguyễn Anh K, giới tính: nam; sinh ngày 09/01/1990 tại tỉnh Long An; nơi đăng ký thường trú: căn hộ A T chúng C N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường N, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở trước khi bị bắt: C12-11.05 chúng cư C Hồ H, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: trước đây là nhân viên Ngân hàng V2; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; là con của ông Nguyễn Hoàng G (sinh năm 1960) và bà Nguyễn Thị Kim L (sinh năm 1959); bị cáo có vợ tên là Đinh Võ Nhật K1 (sinh năm 1989) và có 01 người con (sinh năm 2020);

Tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, bị tạm giam từ ngày 28/06/2024 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh K:

Luật sư Nguyễn Hồng L1, Đoàn Luật sư Thành phố H

(có mặt);

2/Lê Nguyễn Nhật T, giới tính: nữ; sinh ngày 24/08/1993 tại tỉnh Tiền Giang; nơi đăng ký thường trú: T, xã V, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang); chỗ ở hiện nay: E14/472C ấp F, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo bản thông báo số 013536 ngày 10/03/2026 của Công an xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: trước đây là giao dịch viên Ngân hàng V2; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; là con của ông Lê Văn L2 (sinh năm 1966) và bà Nguyễn Thị Á (sinh năm 1964); bị cáo có chồng tên là Hồ Tấn M (sinh năm 1993) và có 01 người con (sinh năm 2022);

Tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại (áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 27/6/2024 đến nay) (có mặt).

3/Bùi Thị Thanh N; giới tính: nữ; sinh ngày 12/10/1984 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký thường trú: 12/9/4 Khu phố A, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở hiện tại: 43 Đ, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: trước đây là Kiểm soát viên Ngân hàng V2; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; là con của ông Bùi Thanh S (đã chết) và bà Trần Thị C (sinh năm 1953); bị cáo có chồng tên là Vũ Anh T1 (sinh năm 1984) và có 02 người con (sinh năm 2011 và sinh năm 2015);

Tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại (áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 27/06/2024 đến nay) (có mặt).

(trong vụ án này, còn có người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác, nhưng họ không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 18/02/2024, Nguyễn Anh K sử dụng ứng dụng tiktok, truy cập trang web (có nội dung kết nối hẹn hò) rồi tải ứng dụng "Phố Đ" về điện thoại di động, đăng ký tài khoản để sử dụng. Sau đó, nhân viên chăm sóc khách hàng của trang web đó (không rõ nhân thân, lai lịch) tư vấn để K nộp tiền theo hướng dẫn (nhằm để nâng cấp thành tài khoản vip, đồng thời đưa ra các chính sách vừa để sử dụng dịch vụ mại dâm, vừa có thể đầu tư tìm kiếm lợi nhuận), K đồng ý.

Thực hiện theo hướng dẫn, K đã nhiều lần chuyển tiền (từ tài khoản của Nguyễn Anh K tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V2) số 979798988) vào các tài khoản ngân hàng khác nhau; cụ thể như sau:

-Vào lúc 14 giờ 51 phút ngày 19/02/2024: chuyển 578.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Minh H, số 1043832115, tại Ngân hàng V3. Khoảng 10 phút sau, K nhận lại được số tiền 635.800 đồng;

-Vào lúc 15 giờ 03 phút ngày 19/02/2024: tiếp tục chuyển 433.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Minh H, số 1043832115, tại Ngân hàng V3. Khoảng 10 phút sau, K nhận lại được số tiền 476.300 đồng;

-Vào lúc 15 giờ 14 phút ngày 19/02/2024: tiếp tục chuyển số tiền 1.355.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Minh H, số 1043832115, tại Ngân hàng V3 và nhận lại được 1.490.500 đồng;

-Vào lúc 15 giờ 48 phút ngày 19/02/2024: tiếp tục chuyển số tiền 12.345.000 đồng vào tài khoản Nguyễn Minh H, số 1043832115, tại Ngân hàng V3, nhưng lần này thì không được nhận lại tiền.

Sau khi phản hồi với nhân viên, K nhận được thông báo rằng hệ thống bị lỗi, cần phải nạp thêm tiền để chỉnh sửa lỗi hệ thống. Vì vậy, vào lúc 17 giờ 32 phút ngày 19/02/2024, K chuyển khoản số tiền 29.626.000 đồng vào tài khoản Đặng Thị H1 (số H) tại Ngân hàng B, nhưng vẫn không nhận được tiền lãi.

Tiếp theo đó, vào sáng ngày 20/02/2024, theo yêu cầu của những người nào đó (không rõ họ tên, địa chỉ), K tiếp tục chuyển 59.999.000 đồng vào tài khoản Đặng Thị H1 (số H) tại Ngân hàng B. Sau đó, những người nào đó (không rõ họ tên, địa chỉ) nói rằng K thực hiện không đúng theo hướng dẫn, nên yêu cầu K tiếp tục nộp số tiền 59.999.000 đồng để khắc phục và cam kết sẽ hoàn trả cả gốc và lãi. Đến lúc này, vì không có đủ tiền, và có sự quen biết từ trước với Lê Nguyễn Nhật T - Giao dịch viên của V2 (K cũng là nhân viên Hội sở V2), K nảy

sinh ý định nhờ nhân viên Ngân hàng V2-Phòng giao dịch Nguyễn Tri P, để thực hiện các giao dịch nộp tiền khống vào tài khoản cá nhân của K (nhằm để sau đó, chuyển tiền theo yêu cầu của nhân viên ứng dụng của trang web "Phố Đ").

Vì vậy, vào khoảng 13 giờ ngày 20/02/2024, K đến V2-Phòng V2 (địa chỉ: 2 N, hiện nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh). Tại đây, K nói với T rằng vì cần gấp một số tiền để đầu tư, nên nhờ giao dịch viên làm thủ tục nộp tiền mặt vào tài khoản của K, mặc dù K không nộp tiền. T nói với K rằng việc này phải trao đổi trực tiếp với Bùi Thị Thanh N-Kiểm soát viên của phòng giao dịch. Do đó, vào lúc 13 giờ 02 phút cùng ngày, K đi đến khu vực Quầy số 7 của N và nhờ N đồng ý cho T thực hiện nộp khống tiền vào tài khoản Ngân hàng V2 của K. Để được T và N giúp đỡ, K hứa hẹn sau khi nhận được tiền nộp khống thì trong vòng 15 phút sẽ nhận lại được tiền từ việc đầu tư, K sẽ hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp khống cho T và N để đảm bảo việc kết quỹ ngày. Đồng thời, mặc dù không có sổ tiết kiệm tại các Ngân hàng B và V4, nhưng K đã đưa thông tin gian dối với T, N là K có gửi sổ tiết kiệm tại Ngân hàng B và V4 nhưng chưa tới thời hạn rút, trường hợp không nhận được tiền thì K sẽ rút tiền từ sổ tiết kiệm để bù lại. Qua trao đổi, T và N đồng ý thực hiện nộp tiền khống vào tài khoản của K.

Từ khoảng 13 giờ đến 15 giờ ngày 20/02/2024, T và N thực hiện thủ tục nộp khống tổng số tiền 739.423.000 đồng từ quỹ giao dịch hàng ngày của Ngân hàng V2 cấp cho Phòng V2 thông qua 04 lần giao dịch được thể hiện bằng 04 giấy nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng V2 số 979798988 mang tên Nguyễn Anh K như sau:

Giấy nộp tiền số 2137846 ngày 20/02/2024: Vào khoảng 13 giờ 05 phút ngày 20/02/2024, K đến Quầy giao dịch số 3 đề nghị T nộp khống 60.000.000 đồng vào tài khoản VIB số 979798988 của K. Tuy không nhận được tiền mặt từ Khương nhưng T đã tạo lập và phê duyệt trên hệ thống Giấy nộp tiền số 2137846 ngày 20/02/2024, nội dung: "NGUYEN ANH KHUONG nop tien mat vao tai khoan", nộp số tiền 60.000.000 đồng vào tài khoản VIB số 979798988, đứng tên Nguyễn Anh K. Trong đó, T đã ký tên vào mục "Giao dịch viên", "Thủ quỹ", "Kiểm soát giao dịch", xác nhận đã thu tiền và K ký tên vào mục "Người nộp tiền". Sau khi chiếm đoạt số tiền 60.000.000 đồng của Ngân hàng V2, K chuyển 59.999.000 đồng vào tài khoản Đặng Thị Hồng số 8890918107 tại B

theo yêu cầu của nhân viên ứng dụng "Phố Đèn Đỏ" bằng hình thức chuyển khoản trực tuyến.

Giấy nộp tiền số 2138346 ngày 20/02/2024: Vào khoảng 13 giờ 28 phút ngày 20/02/2024, nhân viên ứng dụng "Phố Đ" yêu cầu nộp tiếp 99.898.000 đồng nên K tiếp tục nhờ T nộp khống tiền vào tài khoản Ngân hàng V2 của K, tuy nhiên do có khách hàng giao dịch gần đó nên K viết ra giấy chữ số 99.898.000 đồng rồi đưa cho T để thực hiện. T hỏi lý do tiếp tục nộp thêm tiền thì K trả lời nộp lần này nữa mới rút được hết tiền về và cam kết trường hợp không nhận được tiền thì sẽ rút tiền từ sổ tiết kiệm tại B, V4 để bù lại. Tuy không nhận được tiền mặt từ K nhưng T đã tạo lập và phê duyệt trên hệ thống Giấy nộp tiền số 2138346 ngày 20/02/2024, nội dung: "NGUYEN ANH KHUONG nop tien mat vao tai khoan", nộp số tiền 99.898.000 đồng vào tài khoản VIB số 979798988, đứng tên Nguyễn Anh K. Trong đó, T đã ký tên vào mục "Giao dịch viên", "Thủ quỹ", "Kiểm soát giao dịch", xác nhận đã thu tiền và K ký tên vào mục "Người nộp tiền". Sau khi chiếm đoạt số tiền 99.898.000 đồng của Ngân hàng V2, K đã chuyển 99.898.000 đồng vào tài khoản BIDV số B của Đặng Thị H1 tại B theo yêu cầu của nhân viên ứng dụng "Phố Đèn Đỏ" bằng hình thức chuyển khoản trực tuyến.

Giấy nộp tiền số 2139141 ngày 20/02/2024: Sau khi chuyển tiền, K vẫn không nhận được tiền lãi. Nhân viên ứng dụng "Phố Đ" cho biết hệ thống bị lỗi và đề nghị Khương nạp tiếp 229.525.000 đồng để vá lỗi. Đến 14 giờ 03 phút, K tiếp tục viết ra giấy chữ số 229.525.000 đồng tiếp tục đưa cho T nhờ nộp khống giúp số tiền trên, T nói do số tiền lớn thuộc thẩm quyền phê duyệt của kiểm soát viên nên T phải hỏi ý kiến Bùi Thị Thanh N - Kiểm soát viên. Khoảng 14 giờ 06 phút ngày 20/02/2024, tuy không nhận được tiền mặt từ K nhưng T đã tạo lập và duyệt trên hệ thống Giấy nộp tiền số 2139141 ngày 20/02/2024, nội dung: "NGUYEN ANH KHUONG nop tien mat vao tai khoan", nộp số tiền 229.525.000 đồng vào tài khoản VIB số 979798988, đứng tên Nguyễn Anh K. Trong đó, T đã ký tên vào mục "Giao dịch viên", "Thủ quỹ", xác nhận đã thu tiền và K ký tên vào mục "Người nộp tiền". Sau đó, T trực tiếp cầm giấy nộp tiền vừa ký sang Quầy số 7 của N để thông báo về việc T đã nộp tiền khống lần 2 như nêu trên, đồng thời trao đổi về việc giúp K nộp tiền khống lần 3 và được N đồng ý duyệt ký tại mục "Kiểm soát giao dịch" và phê duyệt trên hệ thống để thực hiện nộp khống số tiền 229.525.000 đồng vào tài khoản của K. Đến 14 giờ

08 phút, K nhận được thông báo số tiền 229.525.000 đồng được nộp vào tài khoản Ngân hàng. Sau khi chiếm đoạt số tiền, K chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản số 8890918107 của Đặng Thị H1 tại B và chuyển 129.525.000 đồng vào tài khoản số 0384361331 của Nguyễn Văn Mậu N1 tại V5 theo yêu cầu của nhân viên ứng dụng "Phố Đèn Đỏ" bằng hình thức chuyển khoản trực tuyến.

Giấy nộp tiền số 2140495 ngày 20/02/2024: Tiếp đó, nhân viên ứng dụng "Phố Đ" yêu cầu Khương nạp thêm số tiền bảo hiểm là 350.000.000 đồng thì mới rút được tất cả số tiền đã chuyển và lợi nhuận phát sinh. Vào lúc 14 giờ 50 phút, K tiếp tục viết ra giấy chữ số 350.000.000 đồng tiếp tục đưa cho T nhờ nộp khống vào tài khoản của K. Đến 14 giờ 53 phút ngày 20/02/2024, tuy chưa nhận được tiền mặt từ K nhưng T đã tạo lập và duyệt trên hệ thống Giấy nộp tiền số 2140495 ngày 20/02/2024, nội dung: "NGUYEN ANH KHUONG nop tien mat vao tai khoan", nộp số tiền 350.000.000 đồng vào tài khoản VIB số 979798988, đứng tên Nguyễn Anh K. Trong đó, T đã ký tên vào mục "Giao dịch viên", "Thủ quỹ", xác nhận đã thu tiền và K ký tên vào mục "Người nộp tiền". Sau đó, T trực tiếp cầm giấy nộp tiền vừa ký sang Quầy số 7 của N để trao đổi, xin ý kiến. K nói do làm bên an ninh nên không dễ bị người khác lừa; đã tìm hiểu, nghiên cứu kỹ nên mới tham gia đầu tư; đồng thời K còn khẳng định mình có sổ tiết kiệm tại Ngân hàng B, V4 khi cần thiết sẽ rút ra trước hạn để hoàn trả lại cho Ngân hàng V2. Tin tưởng K nói thật, N duyệt ký tại mục "Kiểm soát giao dịch" trên giấy nộp tiền số 2140495 ngày 20/02/2024 và phê duyệt trên hệ thống để thực hiện nộp khống số tiền 350.000.000 đồng vào tài khoản của K. Đến 14 giờ 57 phút, K nhận được thông báo số tiền 350.000.000 đồng được nộp vào tài khoản ngân hàng. Sau khi chiếm đoạt số tiền, K chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản số 8890918107 của Đặng Thị H1 tại B, chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản số 0384361331 của Nguyễn Văn Mậu N1 tại V5 và chuyển 150.000.000 đồng vào tài khoản số 1206199190 của Nguyễn Anh K tại S1 theo yêu cầu của nhân viên ứng dụng "Phố Đèn Đỏ" bằng hình thức chuyển khoản trực tuyến.

Sau đó, K vẫn không rút được tiền, nhân viên ứng dụng "Phố Đèn Đỏ" nhắn tin nói K phải chuyển thêm 503.000.000 đồng để tài khoản không bị đóng băng và bảo hiểm cho các khoản tiền đã chuyển trước đó. Đối tượng cho K kiểm tra trước việc rút số tiền 568.000 đồng, K làm theo hướng dẫn và khoảng 5 phút sau nhận được 568.000 đồng. Do thấy có thể rút được tiền nên K nôn nóng và

tiếp tục nhờ T và N nộp khống số tiền 503.000.000 đồng vào tài khoản của K nhưng cả N và T đều không đồng ý. Sau đó ông Trần Duy H2 - Giám đốc Phòng giao dịch về, mời K vào phòng họp giải quyết và trình báo cơ quan Công an. Tổng số tiền K chuyển theo yêu cầu của các đối tượng chưa rõ thông tin, lai lịch qua ứng dụng "Phố Đ" là 843.758.000 đồng, gồm toàn bộ số tiền 739.422.000 đồng chiếm đoạt của Ngân VIB Phòng giao dịch Nguyễn Tri P và 104.336.000 đồng tiền cá nhân của K.

Kết quả điều tra:

-Về pháp nhân Ngân hàng V2: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q - Chi nhánh Q1 - Phòng V2, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00063 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở K2 cấp ngày 03/11/2022. Người đứng đầu chi nhánh là Trần Duy H2, sinh ngày 31/7/1984, CMND số 025751299, nơi thường trú: 43/64/32 V, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Về vị trí, vai trò, chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của Giao dịch viên, Kiểm soát viên Ngân hàng V2: Ngân hàng V2 ban hành bản mô tả công việc đối với Giao dịch viên, Kiểm soát viên. Cụ thể:

Đối với giao dịch viên: Lê Nguyễn Nhật T ký Hợp đồng lao động số 28192.4 ngày 04/3/2022 với Ngân hàng V2, mã cán bộ 28192, chức vụ: Giao dịch viên, đơn vị: VIB Nguyễn Tri P. Lê Nguyễn Nhật T với vai trò là Giao dịch viên VIB Nguyễn Tri P có trách nhiệm chính là thực hiện các nghiệp vụ giao dịch tại quầy, kế toán nội bộ, kế toán thuế bao gồm nhưng không giới hạn: dịch vụ tài khoản, hợp đồng tiền gửi, ngân hàng điện tử, giao dịch ngoại tệ, giao dịch tiền mặt, chuyển tiền, hạch toán sau giải ngân, nhập/xuất Tài sản đảm bảo, nghiệp vụ về séc, giải đáp thắc mắc, khiếu nại của khách hàng, thực hiện các báo cáo liên quan nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và quản trị rủi ro theo đúng quy định của V2; thực hiện các công việc liên quan đến kho quỹ theo phân công nhiệm vụ; tham gia đề xuất các sáng kiến, cải tiến các quy trình nghiệp vụ để nâng cao chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng; quản lý, sử dụng con dấu tuân thủ đúng quy định của V2 (theo phân công nhiệm vụ); thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của cấp quản lý.

Đối với kiểm soát viên: Bùi Thị Thanh N, sinh ngày 12/10/1984 được xác nhận chức danh Kiểm soát viên theo Quyết định số 1500/2010/QĐ-NS ngày 19/10/2010 của Ngân hàng V2 về việc xác nhận chức danh và điều chỉnh lương

năm 2010; N ký Hợp đồng lao động số 6879/2014/HĐLĐ/NS-VIB ngày 30/7/2014 với Ngân hàng V2, mã cán bộ 04132, chức vụ: Kiểm soát viên V2 (nay là V2). Bùi Thị Thanh N với vai trò là Kiểm soát viên VIB Nguyễn Tri P có trách nhiệm chính là triển khai, kiểm soát và quản lý các nghiệp vụ giao dịch tại quầy, kế toán nội bộ, kế toán thuế bao gồm nhưng không giới hạn: dịch vụ tài khoản, hợp đồng tiền gửi, ngân hàng điện tử, giao dịch ngoại tệ, giao dịch tiền mặt, chuyển tiền, hạch toán sau giải ngân, nhập/xuất Tài sản bảo đảm, nghiệp vụ về séc, giao dịch về thẻ, giao dịch payroll, giải đáp thắc mắc, khiếu nại của khách hàng, thực hiện các báo cáo nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và quản trị rủi ro của Phòng theo đúng quy định của V2; quản lý hình ảnh bộ mặt công sở đơn vị theo tiêu chuẩn và hoạt động ATMs đảm bảo vận hành thông suốt và an toàn theo quy định V2; thực hiện cho vay cầm cố giấy tờ có giá; Thực hiện kiểm soát các giao dịch cho vay sổ tiết kiệm và các giao dịch thanh toán liên đến cho vay tại quầy; phối hợp với các phòng ban trong đơn vị để đóng góp vào tăng trưởng kinh doanh và dịch vụ vượt trội, đảm bảo sự hài lòng của Khách hàng về chất lượng, hiệu quả dịch vụ tính tuân thủ trong quy trình nghiệp vụ của các CBNV phòng DVKH; tuyển dụng, huấn luyện, giám sát và đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên cấp dưới để đảm bảo hoàn thành kế hoạch công việc được giao; thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của cấp quản lý.

-Về quy trình nộp tiền mặt vào tài khoản của khách hàng cá nhân/Doanh nghiệp siêu nhỏ tại Ngân hàng V2 - Chi nhánh Q1 - Phòng V2: được quy định tại Phụ lục 01, ban hành kèm theo Quy định số 1031.DEP ngày 06/03/2023 của Ngân hàng V2.

Bước 01: Giao dịch viên tư vấn thông tin nộp tiền và phí nộp tiền cho khách hàng và cung cấp bộ hồ sơ chứng minh nguồn gốc tiền căn cứ theo loại tài khoản (tài khoản thanh toán thông thường/tài khoản vốn/…), loại tiền của tài khoản (cá nhân/tổ chức của V1 Nam/Nước ngoài là người cư trú/Không cư trú). Tham chiếu theo quy định điều kiện giao dịch trên tài khoản tại Quy định sản phẩm khách hàng cá nhân/doanh nghiệp siêu nhỏ hiệu lực từng thời kỳ.

Bước 02: Khách hàng cung cấp hồ sơ, thông tin nộp tiền cho Giao dịch V, gồm bản gốc CMND/CCCD, Hộ chiếu, Thị thực nếu là người nước ngoài và bộ hồ sơ chứng minh nguồn gốc tiền (nếu quy định tài khoản yêu cầu); cung cấp thông tin nộp tiền gồm thông tin bổ sung của người nộp tiền (địa chỉ, số điện

thoại,…), số tài khoản nộp tiền, tên chủ tài khoản, số tiền nộp, nội dung nộp, chi tiết loại tiền nộp,…

Bước 03: Giao dịch viên xác thực khách hàng, gồm nhận diện và xác thực khách hàng để đảm bảo: Hình ảnh khớp đúng giữa CMND/CCCD/Hộ chiếu và thực tế khách hàng; CMND/CCCD/Hộ chiếu còn hạn sử dụng và đảm bảo nguyên vẹn (Không bị nhòe, mờ, cắt góc,…) và Thị thực còn hạn sử dụng (nếu là người nước ngoài). Kiểm tra thông tin khách hàng trên hệ thống nếu khách hàng đã có Mã khách hàng (CIF) và thay đổi thông tin, thực hiện theo quy trình cập nhật thông tin khách hàng cá nhân/doanh nghiệp siêu nhỏ hiệu lực từng thời kỳ, sau đó chuyển Bước 6. Nếu khách hàng đã có CIF và không thay đổi thông tin, chuyển Bước 6. Nếu khách hàng chưa có CIF, chuyển Bước 4.

Bước 04: Giao dịch viên kiểm tra Phòng chống rửa tiền (AML) theo quy định hiện hành.

Bước 05: Kiểm soát viên phê duyệt kết quả kiểm tra Phòng chống rửa tiền (AML) theo quy định hiện hành.

Bước 06: Giao dịch viên kiểm tra về tình trạng của tài khoản nếu tài khoản bị phong tỏa/tạm khóa/trì hoãn giao dịch/tạm dừng giao để VIB không thực hiện ghi Có vào tài khoản, thực hiện theo quy trình Giải tỏa tài khoản khách hàng cá nhân/doanh nghiệp siêu nhỏ hiệu lực từng thời kỳ. Nếu tài khoản không bị phong tỏa/tạm khóa/trì hoãn giao dịch/tạm dừng giao dịch để VIB không được ghi Có vào tài khoản: Chuyển bước 7.

Bước 07: Kiểm soát viên kiểm tra hồ sơ chứng minh nguồn tiền (nếu quy định tài khoản yêu cầu). Nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Chuyển bước 8. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ/sai sót: Trao đổi lại với khách hàng để bổ sung hồ sơ.

Bước 08: Giao dịch viên/Thủ quỹ/Kiểm ngân thu tiền mặt và kiểm đếm tiền mặt. Căn cứ vào hạn mức thu tiền của từng chức danh được quy định tại Phụ lục 06 - Quy định về hạn mức thu chi tiền mặt trong giao dịch một cửa tại Quy định số 1003.CUS ngày 22/8/2022 của Ngân hàng V2 hoặc văn bản thay thế (nếu có). Nếu số tiền thuộc hạn mức thu tiền của Giao dịch V: Giao dịch viên thu và kiểm đếm tiền mặt khách hàng nộp. Nếu số tiền nộp vượt hạn mức thu tiền của Giao dịch viên: Thủ quỹ/Kiểm ngân thu và kiểm đếm tiền mặt khách hàng nộp. Việc kiểm đếm tiền mặt được thực hiện theo Phụ lục 16 - Quy trình kiểm đếm tiền mặt thuộc Quy trình số 1820/2015-QT-TGĐ về dịch vụ ngân hàng quỹ hoặc văn bản thay thế (nếu có).

Bước 09: Giao dịch viên tiến hành hạch toán nộp tiền, thu phí (nếu có) trên hệ thống.

Bước 10: Giao dịch viên/Thủ quỹ/Kiểm ngân (người kiểm đếm tiền mặt tại B) nhập bảng kê tiền nộp lên hệ thống.

Bước 11: Giao dịch viên in 02 liên Giấy nộp tiền từ hệ thống, chuyển khách hàng để kiểm tra và ký xác nhận; Giao dịch viên ký tên vào mục Giao dịch viên; Giao dịch viên/Thủ quỹ/Kiểm ngân (người kiểm đếm tiền mặt tại B) ký tên vào mục Thủ quỹ và đóng dấu "Đã thu tiền" trên Giấy nộp tiền.

Bước 12: Giao dịch viên/Kiểm soát viên duyệt nộp tiền và thu phí (nếu có). Nếu thuộc hạn mức giao dịch của Giao dịch viên: Giao dịch viên duyệt giao dịch nộp tiền và thu phí (nếu có) trên hệ thống. Ký tên vào mục Kiểm soát viên trên 02 liên Giấy nộp tiền. Nếu vượt hạn mức giao dịch của Giao dịch viên: Giao dịch viên chuyển hồ sơ nộp tiền cho Kiểm soát viên. Kiểm soát viên kiểm tra hồ sơ nộp tiền và thông tin giao dịch được nhập trên hệ thống: nếu hồ sơ và thông tin đầy đủ, hợp lệ: Kiểm soát viên duyệt giao dịch nộp tiền và thu phí (nếu có) trên hệ thống. Ký tên vào mục Kiểm soát viên trên 02 liên giấy nộp tiền và chuyển hồ sơ lại cho Giao dịch V; nếu chưa đầy đủ/có sai sót: Kiểm soát viên từ chối và chuyển trả Giao dịch viên kiểm tra.

Bước 13: Lập và in Hóa đơn thu phí: Nếu khách hàng yêu cầu lấy Hóa đơn thu phí: Giao dịch viên lập hóa đơn thu phí trên hệ thống, sau đó chuyển Kiểm soát viên kiểm tra và phê duyệt. Tùy theo yêu cầu của khách hàng, Giao dịch viên thực hiện in hóa đơn/hướng dẫn khách hàng tra cứu hóa đơn theo hướng dẫn của Ban Dịch vụ Tài chính trong từng thời kỳ. Nếu khách hàng không yêu cầu lấy hóa đơn thu phí hoặc không phát sinh thu phí của khách hàng: Chuyển sang bước 14.

Bước 14: Giao dịch viên trả hồ sơ cho khách hàng, gồm: Liên 2 Giấy nộp tiền và bản gốc CMND/CCCD, Hộ chiếu, Thị thực (nếu có) và hóa đơn thu phí (nếu khách hàng yêu cầu lấy bản giấy).

Bước 15: Giao dịch viên lưu hồ sơ vào bộ chứng từ giao dịch hằng ngày, gồm liên 1 Giấy nộp tiền; bộ hồ sơ chứng minh nguồn gốc tiền nộp (nếu quy định tài khoản yêu cầu); bản in kết quả kiểm tra Phòng chống rửa tiền (AML); bản sao CMND/CCCD, Hộ chiếu, Thị thực nếu khách hàng chưa có Mã khách hàng (CIF).

Kết quả ghi lời khai:

-Nguyễn Anh K khai: K đã lợi dụng mối quan hệ quen biết từ trước với T và N trong công việc, do K làm tại Phòng Hành chính tại Hội sở Ngân hàng V2. Đồng thời, K nói sau khi nhận được tiền nộp khống thì trong vòng 15 phút sẽ nhận được tiền gốc lãi và đưa lại toàn bộ số tiền cho T và N để đảm bảo việc kết quỹ ngày; K khẳng định với T, N rằng K có gửi sổ tiết kiệm tại ngân hàng B và V4 nhưng chưa tới thời hạn rút, trường hợp không nhận được tiền thì K sẽ rút tiền từ sổ tiết kiệm để bù lại. K xác nhận tất cả các thông tin trên đều là thông tin gian dối, không có thật, K biết rõ các lần nộp tiền liền kề trước đó (lần thứ 4, 5, 6), K đều không rút được tiền và thực tế K không có sổ tiết kiệm cá nhân tại các ngân hàng B, V4. K lo sợ việc bị mất tổng số tiền đã nộp nên đã đưa ra các thông tin gian dối để lừa đảo Lê Nguyễn Nhật T – giao dịch viên và Bùi Thị Thanh N – kiểm soát viên của Ngân hàng V2 thực hiện nộp tiền khống vào tài khoản của K theo 04 giấy nộp tiền số 2137846, 2138346, 2139141, 2140495 ngày 20/02/2024, từ đó chiếm đoạt tổng số tiền 739.423.000 đồng từ quỹ giao dịch trong ngày do Ngân hàng V2 cấp cho Phòng V2. K sử dụng số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng V2 để chuyển đến các tài khoản ngân hàng theo yêu cầu các đối tượng chưa rõ thông tin lai lịch thông qua ứng dụng "Phố Đ".

-Lê Nguyễn Nhật T khai: do biết Nguyễn Anh K là nhân viên Hội sở VIB và tin tưởng theo những thông tin gian dối của K đưa ra, Lê Nguyễn Nhật T với vai trò là Giao dịch viên VIB Phòng giao dịch Nguyễn Tri P đã thực hiện tạo lập và hạch toán nộp khống tổng số tiền 739.423.000 đồng của Ngân hàng V2 đến tài khoản của K theo 04 giấy nộp tiền số 2137846, 2138346, 2139141, 2140495 ngày 20/02/2024 (trong đó lần nộp tiền thứ 02 theo Giấy nộp tiền 2138346 với số tiền 99.898.000 đồng do T tự thực hiện hạch toán khi chưa xin ý kiến của Kiểm soát viên Bùi Thị Thanh N). Thực tế, T không nhận được tiền từ Khương. T nhận thức hành vi trên là vi phạm quy định trong hoạt động ngân hàng. Bản thân T không có hứa hẹn, không bàn bạc, lên kế hoạch từ trước với K để chiếm đoạt tiền của ngân hàng, cũng không được trả công hay hứa hẹn được trả công từ việc làm trên.

-Bùi Nguyễn Thanh N2 khai: do tin tưởng theo những thông tin gian dối của K đưa ra, Bùi Nguyễn Thanh N2 với vai trò là Kiểm soát viên VIB Phòng giao dịch Nguyễn Tri P thừa nhận đã đồng ý cùng Lê Nguyễn Nhật T thực hiện hành vi thực hiện giao dịch nộp khống tiền mặt vào tài khoản ngân hàng của K. Tổng số tiền T đã thực hiện nộp khống vào tài khoản VIB số 979798988 mang

tên Nguyễn Anh K là 739.423.000 đồng thông qua 04 lần nộp vào ngày 20/02/2024, trong đó có 03 lần nộp tiền (theo Giấy nộp tiền số 2137846, 2139141, 2140495 ngày 20/02/2024) là T có hỏi ý kiến và được bà N2 đồng ý thực hiện nộp khống. Đối với lần nộp tiền thứ 02 theo Giấy nộp tiền 2138346 với số tiền 99.898.000 đồng do T tự thực hiện hạch toán rồi sau đó mới báo lại cho N2 biết. Trong 04 lần nộp tiền khống nêu trên, N2 trực tiếp ký tên vào mục "Kiểm soát viên" trên 02 (hai) giấy nộp tiền số 2139141, 2140495 cùng đề ngày 20/02/2024 của Ngân hàng V2, tổng số tiền của 02 lần là 579.525.000 đồng. Thực tế, N2 không nhận được tiền từ Khương. Ngân nhận thức hành vi trên là vi phạm quy định trong hoạt động ngân hàng. Bản thân N2 không có hứa hẹn, không bàn bạc, lên kế hoạch từ trước với K để chiếm đoạt tiền của ngân hàng, cũng không được trả công hay hứa hẹn được trả công từ việc làm trên.

-Kết quả xác minh thông tin Nguyễn Anh K tại Ngân hàng V4 và Ngân hàng B: ngày 12/06/2024, Ngân hàng V4 có Công văn số 3024/2024/CV-VPB về việc cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Cơ quan điều tra, với nội dung: đối với cá nhân Nguyễn Anh K, CCCD số 079090013213: tính đến ngày 23/05/2024, K không thiết lập giao dịch tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng V4. Ngày 26/4/2024, Ngân hàng B có công văn số 6761/BIDV-KTGSTT về việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cơ quan điều tra, với nội dung: đối với cá nhân Nguyễn Anh K, CCCD số 079090013213 không đăng ký, sở hữu tài khoản tiền gửi tiết kiệm, sổ tiết kiệm tại Ngân hàng B.

Kết quả trưng cầu giám định:

-Trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết: ngày 12/06/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 1456/QĐ-CQĐT-CSKT trưng cầu Phòng K3 Công an T3 giám định chữ ký, chữ viết trên 04 (bốn) bản gốc Giấy nộp tiền số 2137846, 2138346, 2139141, 2140495 cùng đề ngày 20/02/2024 của Ngân hàng V2. Ngày 18/06/2024, Phòng K3 Công an T3 có Kết luận giám định số 7159/KL-KTHS với kết quả như sau: tất cả chữ ký, chữ viết trên giấy nộp tiền của Nguyễn Anh K, Bùi Thị Thanh N, Lê Nguyễn Nhật T đều do các đối tượng trên trực tiếp ký ra.

-Trưng cầu giám định Ngân hàng N3: ngày 17/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 ra Quyết định trưng cầu giám định số 1886/QĐ-CQĐT-CSKT trưng cầu Ngân hàng N3 giám định về trình tự, thủ tục, chấp hành các quy định pháp luật của Ngân hàng TMCP Q (V2) Phòng giao dịch Nguyễn Tri P

khi thực hiện giao dịch nộp tiền mặt tại quầy giao dịch đối với 04 giao dịch ngày 20/02/2024, tổng số tiền là 739.423.000 đồng nhằm xác định có hay không việc vi phạm quy định của Ngân hàng N3, Ngân hàng V2 trong việc tiếp nhận, lập, duyệt chứng từ giao dịch, hạch toán và xác định thiệt hại do những sai phạm gây ra.

Ngày 01/8/2024, Ngân hàng N3 ban hành Văn bản số 6360/NHNN-TTGSNH và số 6361/NHNN-TTGSNH về việc thực hiện giám định tư pháp theo Quyết định trưng cầu giám định số 1886/QĐ-CSĐT-CSKT. Theo đó, Ngân hàng N3 có ý kiến: Người giám định tư pháp của Ngân hàng N3 không thực hiện giám định đối với quy định nội bộ của Ngân hàng V2. Đồng thời, Ngân hàng N3 phân công Ngân hàng N3 chi nhánh tỉnh B thực hiện giám định đối với Quyết định trưng cầu giám định số 1886/QĐ-CQĐT-CSKT của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2.

Ngày 31/12/2024, Tổ giám định tư pháp của Ngân hàng Nhà nước tỉnh N3 ban hành Kết luận giám định như sau:

Lần thứ 1: Quá trình tiếp nhận, lập, duyệt chứng từ giao dịch, hạch toán đối với giao dịch theo Giấy nộp tiền số 2137846 ngày 20/02/2024, số tiền 60.000.000 đồng:

Về nội dung của Giấy nộp tiền số 2137846 ngày 20/02/2024 có địa chỉ, số tài khoản, tên tài khoản của người thụ hưởng số tiền trên Giấy nộp tiền; nội dung nộp tiền rõ ràng; đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Chương II Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 của Ngân hàng N3 về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng (gọi tắt là Quyết định số 1789). Căn cứ kết quả điều tra, Giấy nộp tiền số 2137846 đã được sự thống nhất giữa ông Nguyễn Anh K và bà Lê Nguyễn Nhật T để đảm bảo các yếu tố trên Giấy nộp tiền là đầy đủ. Quá trình thực hiện giao dịch, bà T với nhiệm vụ là "Giao dịch viên", "Thủ quỹ", "Kiểm soát giao dịch" đã ký khống trên Giấy nộp tiền số 2137846 ngày 20/02/2024 số tiền là 60.000.000 đồng. Bà T đã không thực hiện đúng quy định trong việc tiếp nhận, lập, duyệt chứng từ giao dịch, hạch toán đối với giao dịch nêu trên; vi phạm Điều 7, Điều 9 Mục 2 Chương 2 Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 16/01/2014 của Ngân hàng N3 quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá (gọi tắt là Thông tư số 01); vi phạm khoản 8 Điều 7, khoản 1, khoản 2 Điều 9 Quyết định số 1789; vi phạm khoản 4, khoản 6 Điều 6 Chương 2 Quyết định số 32/2006/QĐ-NHNN

ngày 19/7/2006 của Ngân hàng N3 ban hành quy định về kế toán trên máy vi tính đối với Ngân hàng N3, các tổ chức tín dụng (gọi tắt là Quyết định số 32).

Lần thứ 2: Quá trình tiếp nhận, lập, duyệt chứng từ giao dịch, hạch toán đối với giao dịch theo Giấy nộp tiền số 2138346 ngày 20/02/2024, số tiền 99.898.000 đồng:

Về nội dung của Giấy nộp tiền số 2138346 ngày 20/02/2024, số tiền 99.898.000 đồng, có địa chỉ, số tài khoản, tên tài khoản của người thụ hưởng số tiền trên Giấy nộp tiền; nội dung nộp tiền rõ ràng; đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Chương II Quyết định số 1789. Căn cứ kết quả điều tra, Giấy nộp tiền số 2138346 đều được thống nhất giữa ông Nguyễn Anh K và bà Lê Nguyễn Nhật T đảm bảo các yếu tố trên Giấy nộp tiền là đầy đủ. Quá trình thực hiện giao dịch, bà Lê Nguyễn Nhật T với nhiệm vụ là "Giao dịch viên", "Thủ quỹ", "Kiểm soát giao dịch" đã ký khống trên Giấy nộp tiền số 2138346 ngày 20/02/2024, số tiền 99.898.000 đồng. Bà Lê Nguyễn Nhật T đã không thực hiện đúng quy định trong việc tiếp nhận, lập, duyệt chứng từ giao dịch, hạch toán đối với giao dịch nêu trên; vi phạm Điều 7, Điều 9 Mục 2 Chương 2 Thông tư số 01; vi phạm khoản 8 Điều 7, khoản 1, khoản 2 Điều 9 Quyết định số 1789; vi phạm khoản 4, khoản 6 Điều 6 Chương 2 Quyết định số 32.

Lần thứ 3: Quá trình tiếp nhận, lập, duyệt chứng từ giao dịch, hạch toán đối với giao dịch theo Giấy nộp tiền số 2139141 ngày 20/02/2024, số tiền 229.525.000 đồng:

Về nội dung của Giấy nộp tiền số 2139141 ngày 20/02/2024, số tiền 229.525.000 đồng, có địa chỉ, số tài khoản, tên tài khoản của người thụ hưởng số tiền trên Giấy nộp tiền; họ và tên của "Giao dịch viên" và "Thủ quỹ" là cùng một người thực hiện; họ và tên Kiểm soát viên; nội dung nộp tiền rõ ràng, đủ nghĩa; đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Chương II Quyết định số 1789. Căn cứ kết quả điều tra, Giấy nộp tiền số 2139141 đều đã được sự thống nhất giữa các ông/bà: ông Nguyễn Anh K, bà Lê Nguyễn Nhật T và bà Bùi Thị Thanh N để đảm bảo các yếu tố trên Giấy nộp tiền là đầy đủ. Quá trình thực hiện giao dịch, bà T với nhiệm vụ là "Giao dịch viên", "Thủ quỹ" đã ký khống trên Giấy nộp tiền số 2139141 ngày 20/02/2024, số tiền 229.525.000 đồng. Bà T không thực hiện đúng quy định trong việc tiếp nhận, lập chứng từ giao dịch, hạch toán đối với giao dịch nêu trên; vi phạm Điều 7, Điều 9 Mục 2 Thông tư số 01; vi phạm khoản 8 Điều 7, khoản 1, khoản 2 Điều 9 Quyết định số 1789; vi

phạm khoản 6 Điều 6 Chương 2 Quyết định số 32. Đối với "Kiểm soát giao dịch" - bà N, chức vụ là Kiểm soát viên không thực hiện đúng nhiệm vụ kiểm soát chứng từ giao dịch, kiểm soát quá trình hạch toán đối với chứng từ kế toán ngân hàng (Giấy nộp tiền số 2139141 số tiền 229.525.000 đồng), vi phạm khoản 8 Điều 7, khoản 1, khoản 2 Điều 9 Quyết định số 1789; vi phạm khoản 4 Điều 6 Chương 2 Quyết định số 32.

Lần thứ 4: Quá trình tiếp nhận, lập, duyệt chứng từ giao dịch, hạch toán đối với giao dịch theo Giấy nộp tiền số 2140495 ngày 20/02/2024, số tiền 350.000.000 đồng:

Về nội dung của Giấy nộp tiền số 2140495 ngày 20/02/2024, số tiền 350.000.000 đồng, có địa chỉ, số tài khoản, tên tài khoản của người thụ hưởng số tiền trên Giấy nộp tiền; họ và tên của "Giao dịch viên" và "Thủ quỹ" là cùng một người thực hiện; họ và tên Kiểm soát viên; nội dung nộp tiền rõ ràng, đủ nghĩa; đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Chương II Quyết định số 1789. Căn cứ kết quả điều tra, Giấy nộp tiền số 2140495 đều đã được sự thống nhất giữa các ông/bà: ông Nguyễn Anh K, bà Lê Nguyễn Nhật T và bà Bùi Thị Thanh N để đảm bảo các yếu tố trên Giấy nộp tiền là đầy đủ. Quá trình thực hiện giao dịch, bà T với nhiệm vụ là "Giao dịch viên", "Thủ quỹ" đã ký khống trên Giấy nộp tiền số 2140495 ngày 20/02/2024, số tiền 350.000.000 đồng. Bà T đã không thực hiện đúng quy định trong việc tiếp nhận, lập chứng từ giao dịch, hạch toán đối với giao dịch nêu trên; vi phạm Điều 7, Điều 9 Mục 2 Thông tư số 01; vi phạm khoản 8 Điều 7, khoản 1, khoản 2 Điều 9 Quyết định số 1789; vi phạm khoản 6 Điều 6 Chương 2 Quyết định số 32. Đối với "Kiểm soát giao dịch" - bà N, chức vụ là Kiểm soát viên không thực hiện đúng nhiệm vụ kiểm soát chứng từ giao dịch, kiểm soát quá trình hạch toán đối với chứng từ kế toán ngân hàng (Giấy nộp tiền số 2140495 ngày 20/02/2024, số tiền 350.000.000 đồng), vi phạm khoản 8 Điều 7, khoản 1, khoản 2 Điều 9 Quyết định số 1789; vi phạm khoản 4 Điều 6 Chương 2 Quyết định số 32.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng:

01 điện thoại di động hiệu Samsung S10 Lite màu xanh đen, số IMEI 1: 353293110057977, số IMEI 2: 353294110057975 thu giữ của Nguyễn Anh K; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, số IMEI: 356723089370131 thu giữ của Bùi Thị Thanh N; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A71 màu xanh dương, số IMEI 1: 353408112280472, số IMEI 2: 353409112280470 thu giữ

của Lê Nguyễn Nhật T. Hiện được bảo quản tại Kho vật chứng thuộc Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an Thành phố Hồ Chí MinT3 theo Lệnh nhập kho vật chứng số D505/LNK-CSKT-Đ5 ngày 26/5/2025.

01 USB chứa dữ liệu camera tại VIB Phòng giao dịch V2 vào ngày 20/02/2024, do Ngân hàng V2 cung cấp, được niêm phong trong bì thư, bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Phan Đoàn Anh T2, Thân Trọng Trung V1 - Giám đốc Ngân hàng V2, Nguyễn Anh K, Lê Nguyễn Nhật T và Bùi Thị Thanh N (hiện lưu hồ sơ vụ án).

Về trách nhiệm dân sự: gia đình Nguyễn Anh K đã nộp lại số tiền 739.423.000 đồng cho Ngân hàng V2 để bồi thường, khắc phục hậu quả. Ngân hàng V2 không yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại đối với K.

Tại bản Cáo trạng số 559/CT-VKS-P3 ngày 07/8/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo như sau:

-Truy tố bị cáo Nguyễn Anh K về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

-Truy tố bị cáo Lê Nguyễn Nhật T và bị cáo Bùi Thị Thanh N về tội "*Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng*" theo quy định tại khoản 2 Điều 206 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 619/2025/HS-ST ngày 18/09/2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử như sau:

-Căn cứ Điểm a Khoản 4 Điều 174; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh K 10 (mười) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; thời hạn tù tính từ ngày 28/06/2024.

-Căn cứ Khoản 2 Điều 206; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm n, s, t Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Nhật T 02 (hai) năm tù về tội "*Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng*"; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

-Căn cứ Khoản 2 Điều 206; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm s, t Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thanh N 02 (hai) năm tù về tội "*Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng*"; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Vào ngày 23/09/2025, bị cáo Lê Nguyễn Nhật T có đơn kháng cáo, xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Vào ngày 24/09/2025, bị cáo Nguyễn Anh K có đơn kháng cáo, xin giảm hình phạt.

Vào ngày 25/09/2025, bị cáo Bùi Thị Thanh N có đơn kháng cáo, xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nói trên.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về cách giải quyết vụ án như sau:

-Về thủ tục: đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định, là hợp pháp;

Về nội dung:

-Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Anh K 10 năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Nhật T 02 năm tù về tội "*Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng*"; xử phạt bị cáo Bùi Thị Thanh N 02 năm tù về tội "*Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng*", là đúng người, đúng tội.

Sau khi xét xử, bị cáo Nguyễn Anh K kháng cáo xin giảm hình phạt; bị cáo Lê Nguyễn Nhật T và bị cáo Bùi Thị Thanh N kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Vì vậy, Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Anh K, bị cáo Lê Nguyễn Nhật T và bị cáo Bùi Thị Thanh N thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quy kết.

[2]Căn cứ lời khai của các bị cáo tại hồ sơ vụ án; lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan …cũng như lời khai của các bị cáo có mặt tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như các bản kết luận giám định của Phòng K3 Công an Thành phố T3, … lời khai của các người làm chứng và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm có căn cứ để xác định sự việc xảy ra như sau:

[2.1]Nguyễn Anh K làm việc tại Phòng Hành chính tại Hội sở Ngân hàng TMCP Q (V2). Lợi dụng sự quen biết với Lê Nguyễn Nhật T và Bùi Thị Thanh N trong công việc, Nguyễn Anh K đưa ra thông tin gian dối, lừa đảo Lê Nguyễn Nhật T (Giao dịch viên của V2-Phòng giao dịch Nguyễn Tri P) và Bùi Thị Thanh N (Kiểm soát viên của V2-Phòng giao dịch Nguyễn Tri P) nộp tiền vào tài khoản của K, hẹn trong vòng 15 phút sẽ nhận lại được tiền gốc, tiền lãi và đưa trả lại toàn bộ số tiền để bảo đảm việc kết quỹ ngày. Ngoài ra, Nguyễn Anh K còn đưa ra thông tin gian dối, không có thật (Nguyễn Anh K có gửi sổ tiết kiệm tại ngân hàng B và V4 nhưng chưa tới thời hạn rút, trường hợp không nhận được tiền, sẽ rút tiền từ sổ tiết kiệm để bù lại).

[2.2]Vì tin vào lời nói của Nguyễn Anh K, nên Lê Nguyễn Nhật T (là giao dịch viên của V2-Phòng giao dịch Nguyễn Tri P) và Bùi Thị Thanh N (là kiểm soát viên của V2-Phòng giao dịch Nguyễn Tri P) thực hiện nộp tiền vào tài khoản của Nguyễn Anh K (theo 04 giấy nộp tiền số 2137846, 2138346, 2139141, 2140495 ngày 20/02/2024), để Nguyễn Anh K chiếm đoạt tổng số tiền 739.423.000 đồng từ quỹ giao dịch trong ngày (do Ngân hàng V2 cấp cho Phòng V2). Sau đó, Nguyễn Anh K sử dụng số tiền chiếm đoạt được của V2, chuyển đến các tài khoản ngân hàng theo yêu cầu của những người chưa rõ thông tin lai lịch thông qua ứng dụng "Phố Đ".

[3]Như vậy, Tòa án có đủ căn cứ để kết luận rằng Nguyễn Anh K đã phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, thuộc trường hợp "*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên"*, chiếu theo Đ1 a Khoản 4 Điều 174 của Bộ luật

Hình sự năm 2015.

Đối với Lê Nguyễn Nhật T và Bùi Thị Thanh N, các bị cáo đã gây thiệt hại về tài sản cho ngân hàng, từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng, đã phạm tội *"Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng"* chiếu theo Khoản 2 Điều 206 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4]Về việc quyết định hình phạt:

[4.1]Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng "*Phạm tội hai lần trở lên*" chiếu theo Đ1 g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4.2]Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Anh K, Lê Nguyễn Nhật T, Bùi Thị Thanh N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu; chưa có tiền án, tiền sự và được người bị hại xin giảm hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Bùi Thị Thanh N có hoàn cảnh gia đình khó khăn và đang nuôi con bị khuyết tật đặc biệt nặng, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Các bị cáo Lê Nguyễn Nhật T, Bùi Thị Thanh N đã chủ động báo cáo lại sự việc cho Giám đốc phòng giao dịch để giải quyết theo quy định của pháp luật. Điều này thể hiện sự tích cực hợp tác với cơ quan hữu quan trong việc phát hiện tội phạm, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm t Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, hiện nay bị cáo Lê Nguyễn Nhật T đang mang thai, cũng được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm n Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với Nguyễn Anh K, sau khi phạm tội, gia đình của bị cáo đã trả lại cho V2 toàn bộ số tiền chiếm đoạt, nên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm b Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.3]Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Nhật T và xử phạt bị cáo Bùi Thị Thanh N cùng về tội *"Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng"* là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy mức hình phạt 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm

áp dụng đối với mỗi bị cáo, là có phần nặng so với hành vi phạm tội và nhân thân của mỗi bị cáo (có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có hoàn gia đình khó khăn; thiệt hại của vụ án đã được khắc phục toàn bộ) như đã phân tích nói trên. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Anh K bị xử phạt 10 (mười) năm tù, về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*":

-Bị cáo chiếm đoạt số tiền 739.423.000 đồng của V2. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, gia đình của bị cáo đã nộp lại toàn bộ 739.423.000 đồng cho Ngân hàng V2; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu; chưa có tiền án, tiền sự và được người bị hại xin giảm hình phạt cho các bị cáo. Tất cả những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và áp dụng cho bị cáo, xử phạt dưới khung hình phạt bị truy tố và xét xử. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm cũng xét thấy rằng toàn bộ số tiền chiếm đoạt đều đã được khắc phục và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác nữa. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất (của khung hình phạt bị xét xử), mức hình phạt 10 năm tù vẫn là nặng. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 330; Điều 345; Điều 355 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

1/Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Anh K; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Nguyễn Nhật T và chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Thanh N;

Sửa bản án sơ thẩm số 619/2025/HS-ST ngày 18/09/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về trách nhiệm hình sự của các bị cáo như sau:

1.1/Áp dụng Điểm a Khoản 4 Điều 174; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh K 08 (tám) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/06/2024.

1.2/Áp dụng Khoản 2 Điều 206; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm n, s, t Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Nhật T 18 (mười tám) tháng tù về tội *"Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng"*; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

1.3/Áp dụng Khoản 2 Điều 206; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm s, t Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thanh N 18 (mười tám) tháng tù về tội *"Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng"*; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2/Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/Về án phí phúc thẩm: các bị cáo không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tối cao;
-Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Tp Hồ Chí Minh;
-TAND TP.HCM;
-VKSND TP.HCM;
-Công an TP.HCM;
-Sở Tư pháp TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
-Trại tạm giam Chí Hòa-Công an TP.HCM;
- Bị cáo kháng cáo,
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng